

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày 12/9/2025

“V/v ly hôn giữa chị Hà
và anh Hòa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Sửu;

2. Ông Đào Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Triệu Quang Hưng - Thư ký viên TAND khu vực 3 – Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2025 (Số 122/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang cũ) về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt)

- Bị đơn: Phạm Văn H1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Bắc Ninh (hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh B, đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, B tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Hòa kết H2 với nhau ngày 13/10/2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn anh chị đoàn tụ ngày và chung sống hòa thuận, hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 đã dính vào tệ nạn xã hội, không còn tu chí làm ăn để xây dựng kinh tế, chăm sóc gia đình. Do anh H1

không thay đổi nên anh chị đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Phạm Văn H1.

Tại bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ, bị đơn là anh Phạm Văn H1 thừa nhận thời gian và điều kiện kết hôn như chị H đã trình bày. Quá trình chung sống do anh mắc vào tệ nạn xã hội, không chăm sóc được gia đình, vợ con dẫn đến cuộc sống hôn nhân gia đình không còn hạnh phúc. Từ 2018 đến nay, anh và chị H đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: cả hai anh chị đều trình bày, vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 18/7/2016, hiện đang được chị H nuôi dưỡng tại Thôn K, xã T, tỉnh Hưng Yên. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con; anh H1 cũng đề nghị cho chị H trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản: Cả hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên toà nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Toà án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H1.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 18/7/2016. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn và bị đơn cư trú trên địa bàn xã B, tỉnh Bắc Ninh nên việc Tòa án nhân dân khu vực 3 – Bắc Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên toà nhưng cả hai đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Xem xét yêu cầu của chị Trần Thị H xin ly hôn anh Phạm Văn H1: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn Hòa kết H2 ngày 13/10/2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, mặc dù anh chị có thời gian chung sống hoà thuận và đã có con chung nhưng từ năm 2017, do anh H1 mắc vào tệ nạn xã hội, không tu chí làm ăn nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ năm 2018. Cho đến nay, thời gian anh chị sống ly thân đã lâu mà hai bên không có biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng, cả hai đều không có nguyện vọng đoàn tụ, anh H1 hiện đang bị tạm giam do phạm tội liên quan đến ma túy. Vì vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H1 theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Anh chị có 1 con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 18/7/2016, hiện đang được chị H nuôi dưỡng, đời sống, sức khoẻ ổn định. Nay anh H1 đang bị giam giữ không có điều kiện nuôi con, cần chấp nhận theo yêu cầu của chị H và đề nghị của anh H1, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con chung, giao cho chị H được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị H không yêu cầu nên nghĩa vụ này không đặt ra đối với anh H1 cho đến khi các đương sự có yêu cầu.

[5]. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Trần Thị H không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp được khấu trừ vào tiền án án phí chị H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H1.

2/ Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 18/7/2016. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra cho đến khi đương sự có yêu cầu.

3/ Án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002044 ngày 10/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (cũ). Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh
- Cục THA DS tỉnh Bắc Ninh
- UBND xã Bó Hạ, tỉnh Bắc Ninh
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà